

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (sau đây viết tắt là Nghị định số 178/2024/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 15/01/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính, hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí để thực hiện các chính sách quy định tại Nghị định 178/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 141/2023/NQ-CP);

Căn cứ Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND);

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 121/UBND-VP8 ngày 22/02/2025 về việc triển khai thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ;

Sau khi thống nhất với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Nội vụ hướng dẫn một số nội dung về chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện sắp xếp

tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định (gồm chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh), cụ thể như sau:

I. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội và Nhân dân trong quá trình thực hiện chính sách, chế độ;

2. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch và theo quy định của pháp luật;

3. Bảo đảm chậm nhất sau 05 năm kể từ ngày Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền có hiệu lực thi hành thì số lượng cán bộ lãnh đạo, quản lý và số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, tổ chức đơn vị trong hệ thống chính trị sau sắp xếp được thực hiện theo đúng quy định;

4. Bảo đảm chi trả chính sách, chế độ kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước;

5. Từng cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động công tâm, khách quan trên cơ sở đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; trên cơ sở đó thực hiện sắp xếp, tinh giản biên chế và thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

6. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm trong đánh giá, sàng lọc, lựa chọn đối tượng nghỉ việc gắn với việc cơ cấu và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý để cơ quan, tổ chức, đơn vị hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả;

7. Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

II. CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp (sau đây viết tắt là sắp xếp tổ chức bộ máy) quy định tại điểm a, b, c, e khoản 1 Điều 2 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức;
- b) Cán bộ, công chức cấp xã;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức (sau đây viết tắt là người lao động).

1.2. Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và cán bộ nghỉ thôi việc theo nguyện vọng thực hiện theo quy định tại Nghị định khác của Chính phủ.

Trường hợp đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng đồng thời thuộc đối tượng áp dụng chính sách, chế độ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy thì được lựa chọn hưởng chính sách, chế độ cao hơn.

2. Các trường hợp chưa xem xét nghỉ việc

2.1. Đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1.1 mục I Hướng dẫn này là nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện nghỉ việc.

2.2. Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

3. Các chính sách, chế độ đối với người nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

3.1. Chính sách đối với người nghỉ hưu trước tuổi

3.1.1. Được hưởng trợ cấp hưu trí một lần cho thời gian nghỉ sớm:

a) Đối với người nghỉ trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền:

Trường hợp có tuổi đời từ đủ 05 năm trở xuống đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thì được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng nghỉ sớm so với thời điểm nghỉ hưu.

Trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP thì được hưởng trợ cấp bằng 0,9 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với 60 tháng.

b) Đối với người nghỉ từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,5 mức trợ cấp tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định 178/2024/NĐ-CP.

3.1.2. Được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và số năm nghỉ sớm như sau:

a) Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

b) Trường hợp có tuổi đời còn trên 05 năm đến đủ 10 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 04 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

c) Trường hợp có tuổi đời còn từ đủ 02 năm đến đủ 05 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, thì còn được hưởng các chế độ sau:

Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP;

Được trợ cấp 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng.

d) Trường hợp có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

đ) Trường hợp có tuổi đời còn dưới 02 năm đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và có đủ thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc để được hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, trong đó có đủ 15 năm trở lên làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có đủ 15 năm trở lên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên trước ngày 01/01/2021 thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

3.1.3. Cán bộ, công chức, viên chức được nghỉ hưu trước tuổi tại điểm 3.1.1, điểm 3.1.2 khoản 3.1 mục II Hướng dẫn này thuộc đối tượng khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng mà còn thiếu thời gian công tác giữ chức vụ lãnh đạo tại thời điểm nghỉ hưu để được khen thưởng quá trình cống hiến thì được tính thời gian nghỉ hưu sớm tương ứng với thời gian còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời gian bổ nhiệm của chức vụ hiện đảm nhiệm để xét khen thưởng quá trình cống hiến theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. Đối với cán bộ, công chức, viên chức không thuộc đối tượng xét khen thưởng quá trình cống hiến thì được cấp có thẩm quyền xem xét các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đạt được.

3.2. Chính sách đối với người nghỉ thôi việc

3.2.1. Đối với cán bộ, công chức

Cán bộ, công chức có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và

không đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định 178/2024/NĐ-CP, nếu nghỉ thôi việc thì được hưởng các chế độ như sau:

a) Được hưởng trợ cấp thôi việc:

- Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.

- Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.

b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

d) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm.

3.2.2. Đối với viên chức và người lao động

Viên chức và người lao động có tuổi đời từ đủ 02 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP và không đủ điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi quy định tại Điều 7 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, nếu nghỉ thôi việc thì được hưởng các chế độ như sau:

a) Được hưởng trợ cấp thôi việc:

- Đối với người nghỉ thôi việc trong thời hạn 12 tháng đầu tiên kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 0,8 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.

- Đối với người nghỉ thôi việc từ tháng thứ 13 trở đi kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy của cấp có thẩm quyền thì được hưởng bằng 0,4 tháng tiền lương hiện hưởng nhân với số tháng tính hưởng trợ cấp thôi việc.

b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

c) Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

d) Được hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

III. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA TỈNH NAM ĐỊNH

1. Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

Cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 khi nghỉ việc ngoài hưởng các chế độ chính sách của Trung ương thì tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách hỗ trợ của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Nam Định giai đoạn 2023-2025.

2. Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh

2.1. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định nghỉ việc hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ, gồm:

- a) Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
- b) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (sau đây viết tắt là người lao động).

2.2. Đối tượng quy định tại khoản 2.1 mục III này nếu được tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện nghỉ việc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tuyển dụng lại có trách nhiệm thu hồi toàn bộ số tiền đã hỗ trợ, nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

2.3. Chính sách hỗ trợ

Ngoài các chính sách, chế độ của Chính phủ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tỉnh Nam Định hỗ trợ thêm 01 lần đối với đối tượng quy định tại khoản 2.1 mục III này nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi và thôi việc) bằng 30% mức trợ cấp mà người nghỉ việc được hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI HẠN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Trình tự, thủ tục

1.1. Bước 1: Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp về việc nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

1.2. Bước 2: Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố lập danh sách đối tượng thuộc diện phải nghỉ việc và các trường hợp tự nguyện có đơn xin nghỉ việc áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Điều 7, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh, lập dự toán kinh phí thực hiện, trình UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ, Sở Tài chính) xem xét, quyết định.

1.3. Bước 3: Sở Nội vụ thẩm định danh sách đối tượng nghỉ việc do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính được hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh, gửi Sở Tài chính thẩm định về kinh phí và gửi Bảo hiểm xã hội tỉnh cho ý kiến về tuổi nghỉ hưu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội của đối tượng.

Riêng đối với trường hợp thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì Sở Nội vụ tổng hợp danh sách, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) xem xét, quyết định. Sau khi có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Sở Nội vụ gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí và thực hiện các bước theo quy định.

1.4. Bước 4: Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với đối tượng theo đề nghị của Sở Nội vụ và của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố. Sau khi thẩm định kinh phí, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định.

1.5. Bước 5: Sở Nội vụ tổng hợp chung, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với đối tượng theo quy định sau khi có ý kiến thẩm định kinh phí của Sở Tài chính và ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh.

1.6. Bước 6: Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt thì Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố ban hành Quyết định nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo phân cấp và kịp thời thực hiện chi trả chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo đúng quy định của pháp luật; gửi Sở Tài chính, Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp.

2. Hồ sơ đề nghị giải quyết chính sách đối với đối tượng

2.1. Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó phân tích rõ đối tượng (thuộc trường hợp tự nguyện nghỉ việc hoặc phải nghỉ việc) và lý do đề nghị thực hiện chính sách nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh đối với từng đối tượng.

2.2. Danh sách và dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Phụ lục số I, II kèm theo Hướng dẫn này.

2.3. Biên bản họp xét đối tượng nghỉ việc và hưởng chính sách của cơ quan, đơn vị, địa phương (trong đó nêu rõ các nội dung: việc sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị, địa phương; đối tượng tự nguyện nghỉ hoặc đối tượng phải nghỉ việc; lý do đồng ý cho nghỉ việc thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh đối với từng đối tượng; ý kiến của các thành phần tham gia dự họp; kết quả cuộc họp). Mẫu Biên bản tại Phụ lục số III kèm theo Hướng dẫn này.

2.4. Hồ sơ của từng cá nhân đề nghị nghỉ việc hưởng chính sách, chế độ (kèm theo Phiếu thống kê danh mục hồ sơ):

a) Đơn đề nghị nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc của cá nhân theo Phụ lục số IV kèm theo Hướng dẫn này (đối với các trường hợp có đơn tự nguyện xin nghỉ);

b) Văn bản đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (đối với các trường hợp phải nghỉ việc do đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP);

c) Bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội trong thời hạn 03 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc;

d) Bản sao quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức hoặc xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định ký kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động trước ngày 15/01/2019.

đ) Bản sao quyết định lương hiện hưởng (đối với cán bộ, công chức, viên chức); Quyết định lương hoặc minh chứng về mức lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động (đối với người lao động).

e) Bản sao các minh chứng về các khoản phụ cấp lương hiện hưởng (nếu có), gồm: phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp trách nhiệm theo nghề, phụ cấp công vụ, phụ cấp công tác đảng, đoàn thể chính trị - xã hội.

g) Quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính của cấp có thẩm quyền.

h) Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan.

2.5. Số lượng hồ sơ

Hồ sơ cá nhân của từng đối tượng nghỉ việc được đựng trong phong bì hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định. Hồ sơ được lập thành 02 bộ, 01 bộ gửi Sở Nội vụ và 01 bộ gửi Sở Tài chính.

3. Thời hạn gửi hồ sơ

- Định kỳ hàng tháng (trước ngày 05 hàng tháng), các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập Tờ trình, danh sách và dự kiến kinh phí thực hiện chính sách đối với các trường hợp nghỉ trong tháng sau liền kề, gửi về Sở Nội vụ, Sở Tài chính thẩm định, trình UBND phê duyệt theo quy định.

- Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi hồ sơ quá thời hạn nêu trên hoặc hồ sơ không đầy đủ thành phần nội dung, thì Sở Nội vụ, Sở Tài chính không tiếp nhận hồ sơ và cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tự chịu trách nhiệm với đối tượng theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố

1.1. Tổ chức triển khai, tuyên truyền phổ biến tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị được biết để thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 141/2023/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.2. Căn cứ hướng dẫn của UBND tỉnh tại Văn bản số 85/UBND-VP8 ngày 10/02/2025 về tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cùng cấp để ban hành tiêu chí đánh giá và tiến hành thực hiện rà soát tổng thể chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý; trên cơ sở đó, xác định đối tượng phải nghỉ việc do sắp xếp thuộc đối tượng được hưởng chính sách, chế độ của Nghị định 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh để sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, tinh giảm biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.3. Trường hợp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức, đơn vị, nếu cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đủ điều kiện áp dụng quy định tại Nghị định 178/2024/NĐ-CP có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ thôi việc, thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lập danh sách và dự toán số tiền thực hiện chính sách đối với từng trường hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; nếu không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.4. Khi giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng thuộc diện phải nghỉ việc và các trường hợp tự nguyện có đơn xin nghỉ việc áp dụng chính sách, chế độ quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 178/2024/NĐ-CP không đúng quy định, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phải chịu trách nhiệm:

a) Thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan dừng thanh toán các chế độ cho đối tượng thực hiện không đúng quy định;

b) Chịu trách nhiệm thu hồi tiền hưởng các chế độ, chính sách đã cấp cho đối tượng đó;

c) Xem xét xử lý trách nhiệm các cá nhân có liên quan; đồng thời chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về việc thực hiện không đúng quy định về giải quyết chế độ, chính sách.

1.5. Ban hành Quyết định nghỉ việc (nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc) đối với đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo phân cấp sau khi có Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

2. Sở Nội vụ

2.1. Thẩm định danh sách đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố và cán bộ, công chức cấp xã, gửi Sở Tài chính và Bảo hiểm xã hội tỉnh theo quy định.

2.2. Tổng hợp chung, trình UBND tỉnh quyết định đối tượng phải nghỉ việc, kinh phí thực hiện theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh, sau khi có ý kiến thẩm định kinh phí của Sở Tài chính và ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh.

3. Sở Tài chính

3.1. Thẩm định kinh phí thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh đối với đối tượng theo đề nghị của Sở Nội vụ và các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố. Sau khi thẩm định kinh phí, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình UBND tỉnh theo quy định.

3.2. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết định kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh.

3.3. Bố trí kinh phí để thực hiện chính sách, chế độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh

4.1. Phối hợp với Sở Nội vụ cho ý kiến về tuổi nghỉ hưu và thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội của đối tượng theo quy định.

4.2. Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố cung cấp bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để hoàn thiện hồ sơ nghỉ việc theo quy định.

4.3. Giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với đối tượng theo quy định của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

5. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: căn cứ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị quyết định mức chi chính sách, chế độ đối với viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý nhưng không thấp hơn chính sách, chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Trên đây là Hướng dẫn một số nội dung triển khai thực hiện chính sách, chế độ nghỉ hưu trước tuổi và nghỉ thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Tổ chức bộ máy, phòng Xây dựng chính quyền) và Sở Tài chính (phòng Quản lý ngân sách) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy; (để báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; (để báo cáo)
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy; (để phối hợp)
- BHXH tỉnh; (để phối hợp thực hiện)
- Sở, ban, ngành, ĐCSNCL thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng Nội vụ các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TCBM, XDCQ.

GIÁM ĐỐC

Phạm Quang Ái